TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ - ST.
Ngày: 17/12/2025.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.

2. Bà Trần Thị Hằng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Khắc Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (Cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Điền Thị N. Sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H. Sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Điền Thị N trình bày: Chị và anh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2023, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cũ. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2024 cho đến nay. Hiện nay chị biết anh H đã chung sống với người phụ nữ khác. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh và chị N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2023 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cũ. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Vợ chồng anh chị hiện nay đã sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Điền Thị N. Xử cho chị Điền Thị N

và anh Phạm Văn H được ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự xác định không có. Vì vậy, không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Điền Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn chị Điền Thị N, bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Điền Thị N và anh Phạm Văn H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2023 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (cũ) vào ngày 02/10/2023 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H. Chị N cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2024 cho đến nay. Hiện nay chị biết anh H đã chung sống với người phụ nữ khác. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Còn anh H thì cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Vợ chồng anh chị hiện nay đã sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị N, anh H bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và sô sát với nhau. Do sảy ra mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được.

Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N và anh H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N, anh H xác định về con chung vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh H xác định về tài sản chung vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N, anh H xác định về nợ chung vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị N pH chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Điền Thị N, xử cho chị Điền Thị N và anh Phạm Văn H được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Điền Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006650 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 - LĐ;
- Chi cục THADS tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Dũng